

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2025.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
- Ông Lê Hữu Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 141/2025/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2025, về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thị T - sinh ngày 01/01/1979, có mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1 - sinh ngày 01/01/1978, có mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Thị T như sau:

Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn T1 vào năm 2000, hôn nhân do mai mối, thời gian quen biết chỉ có mười mấy ngày thì cưới, vợ chồng bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G vào ngày 09/8/2006.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng trong cuộc sống, do ông T1 hay đánh

bài rồi cầm xe, còn gái gú không lo cho vợ con, mỗi lần nói thì ông T1 nói tiền ai nấy xài, khi ông T1 đi làm về say rượu thì khóa cửa trong không cho mẹ con bà vào nhà ngủ nên mẹ con bà phải qua nhà cha ruột của bà ngủ, ông T1 còn hăm chặt đầu cha bà, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2025 đến nay. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn T1 nên bà xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Thời gian chung sống vợ chồng bà có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc C – sinh ngày 27/02/2001 và Nguyễn Danh Ngọc T2 – sinh ngày 18/5/2012.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng bà không có nợ chung.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Bà xin nuôi con chung tên Nguyễn Danh Ngọc T2 – sinh ngày 18/5/2012 và không yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Ngọc C – sinh ngày 27/02/2001 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà Thị T về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì thời gian gần đây vợ ông đi làm thành phố về không ở trong nhà mà ở nhà cha vợ, còn cha vợ thì kiếm chuyện chửi ông 04 ngày liên tục (thời gian vào tháng 3/2025). Cách nay 03 tuần khi ông đi làm có đi nhậu nên về trễ vợ ông đóng cửa khóa trong không cho ông vô nhà ngủ, trong khi đó vợ ông ngủ bên nhà cha vợ, ông mới đập vỡ kính để thò tay mở khóa vô nhà thì 02 người em vợ qua đánh ông bị trật tay nên ông bỏ nhà đi về nhà cha ruột ở xã V, huyện G sống. Khoảng 1 tháng rưỡi nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Vợ ông nói ông đánh bà thì ông thừa nhận là có, vợ ông không có trả nợ bài bạc cho ông nhưng ông cầm xe 8 triệu đồng vợ ông có trả 6 triệu đồng. Vợ ông nói ông có người phụ nữ khác thì có nhưng

đó là bạn học, tình cũ của ông thôi không phải gái gú. Ông không có đòi chặt đầu cha vợ, ông chỉ nói với vợ qua điện thoại là vợ về nhà không ở nhà qua nhà cha vợ hoài thì ông cắt cổ ông chứ ông không có nói gì với cha vợ.

Nguyễn vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Thị T vì ông còn thương vợ con.

Về con chung: Ông yêu cầu con theo ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông cam đoan vợ chồng ông không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Thị T cương quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T1 và xin nuôi con chung tên Nguyễn Danh Ngọc T2 – sinh ngày 18/5/2012, bà không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Về nguyên nhân mâu thuẫn bà trình bày thêm như sau: Mỗi lần ông T1 say rượu thì đánh đập bà, sáng thức dậy mở mắt ra là chửi mắng mẹ con bà bằng lời lẽ thô tục nên bà không muốn hàn gắn với ông T1.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T1 không đồng ý ly hôn với bà Thị T vì cho rằng ông còn thương vợ con nhưng ông thừa nhận mâu thuẫn mà bà Thị T trình bày tại phiên tòa là đúng, bản thân ông có đánh vợ, có chửi mắng vợ nhiều lần, có gái gú, có bài bạc cầm xe và vợ ông đã bỏ tiền chuộc xe cho ông.

Về con chung: Ông đồng ý giao con chung tên Nguyễn Danh Ngọc T2 – sinh ngày 18/5/2012 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Thị T và ông Nguyễn Văn T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Thị T và ông Nguyễn Văn T1 kết hôn vào năm 2000, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 71, ngày 09/8/2006, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Thị T và ông Nguyễn Văn T1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà Thị T và ông Nguyễn Văn T1 là hôn nhân do mai mối và không có thời gian tìm hiểu kỹ về cá tính của nhau. Tuy nhiên, vợ chồng ông bà sống hạnh phúc được 03 năm và có hai người con chung nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà Thị T cho rằng vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do ông T1 hay đánh bài rồi cầm xe, còn gái gú không lo cho vợ con, khi ông T1 say rượu thì đánh đập bà, ông T1 còn chửi mắng mẹ con bà bằng lời lẽ thô tục. Vợ chồng ly thân từ tháng 3 năm 2025 cho đến nay. Ông Nguyễn Văn T1 thừa nhận bản thân ông có chơi đánh bài cầm xe, có gái gú, có đánh vợ, chửi vợ nhiều lần, mâu thuẫn mà bà Thị T trình bày tại phiên tòa là đúng nhưng ông không đồng ý ly hôn. Ngày 16/5/2025, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà Thị T cương quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T1. Xét thấy, vợ chồng bà Thị T và ông Nguyễn Văn T1 đã sống ly thân với nhau tính đến ngày xét xử là hơn 02 tháng. Trong thời gian này, ông Nguyễn Văn T1 và bà Thị T không tìm được tiếng nói chung, bản thân ông Nguyễn Văn T1 đã thừa nhận mâu thuẫn mà bà Thị T trình bày là đúng, điều đó cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Tại phiên tòa, bà Thị T cương quyết xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T1 và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Nguyễn Văn T1, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thị T.

[4] Về con chung: Bà Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc C – sinh ngày 27/02/2001 và Nguyễn Danh Ngọc T2 – sinh ngày 18/5/2012. Bà Thị T và ông Nguyễn Văn T1 thống nhất giao cháu T2 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, cháu T2 có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với con chung tên Nguyễn Thị Ngọc C – sinh ngày 27/02/2001 đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thị T và ông Nguyễn Văn T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu số 0014885, ngày 16/4/2025, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số điều trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị T.

Về hôn nhân: Xử cho bà Thị T ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Danh Ngọc T2 – sinh ngày 18/5/2012 cho bà Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Nguyễn Văn T1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép cản trở ông T1 thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014885, ngày 16/4/2025, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- UBND xã Định Hòa;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang